

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 843/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: 90/94/12 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ: 90/94/12 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 10-11-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Sau một thời gian tìm hiểu, ông và bà Ngô Thị S quyết định tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 1991.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc với nhau. Những năm gần đây, vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân; bà S thường xuyên ghen tuông, mặc dù ông đã giải thích nhưng bà S không tin. Hiện tại, ông thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Ông và bà Ngô Thị S có ba con chung là Nguyễn Thị Thảo H1, sinh năm 1992; Nguyễn Trung H2, sinh năm 1994 và Nguyễn Thảo Thiên Y, sinh năm 2004. Nguyễn Thị Thảo H1 và Nguyễn Trung H2 đã thành niên và có khả năng tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ về nuôi dưỡng hay cấp dưỡng cho con. Cháu Nguyễn Thảo Thiên Y bị mắc hội chứng Down bẩm sinh, khi ly hôn ông đồng ý để bà S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thảo Thiên Y. Ông và bà S đã tự thỏa thuận với nhau nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Tại bản khai ngày 09-01-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Ngô Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 1991. Hôn nhân giữa bà và ông T là hoàn toàn tự nguyện, bà và ông T đã chung sống gắn bó với nhau đã 29 năm, dù cuộc sống vật chất gia đình còn nghèo song tình cảm vợ chồng vẫn đông đầy, bà luôn là một người vợ chung thủy, hết lòng yêu thương và chăm lo chồng con. Trong quá trình chung sống, bà và ông T đôi lúc cũng có lời qua tiếng lại nhưng không đến mức làm mất hạnh phúc trong gia đình, bên cạnh đó, bà và ông T đã lớn tuổi, con cái có khả năng tự lập thì ở xa còn cháu Y thì không có khả năng lao động, luôn cần có người bên cạnh chăm sóc cháu và bà cần ông T đỡ đần nhau trong cuộc sống. Bên cạnh đó, bà là người theo đạo Thiên chúa giáo, một vợ một chồng, bất khả phân ly. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, nguyện vọng của bà là vợ chồng đoàn tụ, chung sống hạnh phúc.

Theo bà việc ông T trình bày rằng “*Những năm gần đây, vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân*” là không đúng. Chỉ có thời gian gần đây, vào ngày 04-12-2018, không biết vì lý do gì mà ông T dọn đồ ra ở riêng. Từ đó cho đến nay, ông T không quay về nhà, không điện thoại và không cấp dưỡng hay lo lắng gì cho cháu Y. Ông T còn nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, làm cho bà và các con rất lo lắng.

Trong trường hợp ông T kiên quyết ly hôn, bà không đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Bà và ông Nguyễn Văn T có ba con chung là Nguyễn Thị Thảo H1, sinh năm 1992; Nguyễn Trung H2, sinh năm 1994 và Nguyễn Thảo Thiên Y, sinh năm 2004. Đối với Nguyễn Thị Thảo H1 và Nguyễn Trung H1 đã thành niên và có khả năng tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ về nuôi dưỡng hay cấp dưỡng cho con.

Bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến và yêu cầu gì về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Y. Cháu Nguyễn Thảo Thiên Y bị mắc hội chứng Down bẩm sinh, hiện nay đang sống với bà. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của ông T, bà có nguyện vọng được trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thảo Thiên Y. Bà và ông T đã tự thỏa thuận với nhau nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với bà Ngô Thị S và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bà Ngô Thị S cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S đăng ký kết hôn ngày 07-5-1991 tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Văn T khai rằng: Thời gian đầu, ông và bà S chung sống hạnh phúc với nhau. Những năm gần đây, ông và bà S luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, bà S thường xuyên ghen tuông, mặc dù ông đã giải thích nhưng bà S không tin. Hiện tại, ông thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và ông còn tình cảm yêu thương bà S. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Bà Ngô Thị S khai rằng: Bà và ông T đã chung sống gắn bó với nhau đã 29 năm, dù cuộc sống vật chất gia đình còn nghèo song tình cảm vợ chồng vẫn đong đầy, bà luôn là một người vợ chung thủy, hết lòng yêu thương và chăm lo chồng con. Trong quá trình chung sống bà và ông T đôi lúc cũng có lời qua tiếng lại nhưng không đến mức làm mất hạnh phúc trong gia đình, bên cạnh đó, bà và ông T đã lớn tuổi, con cái có khả năng tự lập thì ở xa còn cháu Y thì không có khả năng lao động, luôn cần có người bên cạnh chăm sóc cháu và bà cần ông T đỡ đần nhau trong cuộc sống. Đến nay, bà vẫn còn tình cảm yêu thương và sự gắn bó đối với ông T; tuy nhiên, bà vẫn cảm nhận được việc ông T không còn tình cảm gì với bà, cho dù có quay về thì cũng không thể chung sống hạnh phúc với bà được nữa. Bên cạnh đó, bà là người theo đạo Thiên chúa giáo, một vợ một chồng, bất khả phân ly. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, nguyện vọng của bà là vợ chồng đoàn tụ, chung sống hạnh phúc.

Theo bà việc ông T trình bày rằng “*Những năm gần đây, vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân*” là không đúng. Chỉ có thời gian gần đây, vào ngày 04-12-2018, không biết vì lý do gì mà ông T dọn đồ ra ở riêng. Từ đó cho đến nay, ông T không quay về nhà,

không điện thoại và không cấp dưỡng hay lo lắng gì cho cháu Y. Ông T còn nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, làm cho bà và các con rất lo lắng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bên đương sự cùng với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đều đã thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S là có thật, phát sinh từ sự không hiểu và không đồng cảm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn này kéo dài và tích tụ qua thời gian nhưng cả hai bên vợ chồng không có ai có biện pháp gì tích cực và có hiệu quả để cải thiện, vợ chồng không còn lòng tin và tình cảm yêu thương nhau nữa, nên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc giữa ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S là không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc được ly hôn với bà Ngô Thị S là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S có ba con chung là Nguyễn Thị Thảo H1, sinh ngày 07-4-1992; Nguyễn Trung H2, sinh ngày 10-6-1994 và Nguyễn Thảo Thiên Y, sinh ngày 25-12-2004. Đối với Nguyễn Thị Thảo H1 và Nguyễn Trung H2 đã thành niên và có khả năng tự lập nên ông T và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ về nuôi dưỡng hay cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Văn T chấp nhận giao cháu Nguyễn Thảo Thiên Y cho bà Ngô Thị S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy, từ nhỏ cho đến nay cháu Y ở với bà S, cháu Y bị mắc hội chứng Down bẩm sinh nhưng được bà S chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, bà S có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con; nguyện vọng của các đương sự là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Y cho bà S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Ngô Thị S.

2. Giao cháu Nguyễn Thảo Thiên Y, sinh ngày 25-12-2004 cho bà Ngô Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002189 ngày 17-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 25, QS 01 ngày 07-5-1991);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền